TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** **Số: 507 /2018/QĐST-HNGĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Thành phố Huế, ngày 17 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 419/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Ông Văn Viết L, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Kiệt 147 đường T (Tổ 14, Khu vực 5), phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Bà Lê Thị Thu D; sinh năm: 1963. Địa chỉ: Số 6 Kiệt 93 đường Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84,110,116,117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà thành ngày 07 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Văn Viết L và bà Lê Thị Thu D.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-**Về con chung và việc nuôi con**: Ông Văn Viết L và bà Lê Thị Thu D công nhận vợ chồng có 01 con chung là: Văn Thị Ngọc A, sinh ngày: 24/5/2005. Hai bên thỏa thuận giao cháu Văn Thị Ngọc A cho ông Văn Viết L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Bà Lê Thị Thu D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ngọc A trưởng thành, tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Ông Văn Viết L và bà Lê Thị Thu D công nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự:** Là 150.000 đồng ông Văn Viết L và bà Lê Thị Thu D mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Bà Lê Thị Thu D phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng. Ông Văn Viết L và bà Lê Thị Thu D tự nguyện thỏa thuận ông L nộp toàn bộ án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông L đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005666 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, nay khỏi phải nộp nữa.

3/Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Mai Văn Phú

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSNDTP.Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND p.A, Tp.H
(ĐKKH ngày 23/02/2009);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.